

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cao;

Ông Nguyễn Ngọc Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2022, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị V, sinh năm: 1979.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Chỗ ở: Ấp 1, xã L, huyện B, tỉnh Long An. (yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Dương Chí T, sinh năm: 1978.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Ấp 1, xã L, huyện B, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Phạm Thị V trình bày:

Bà Phạm Thị V và ông Dương Chí T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ

Chí Minh vào ngày 16/5/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà V yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà V và ông T có 01 người con chung tên là Dương Chí T, sinh ngày 14/3/2006. Bà V đồng ý để ông T nuôi con và bà V không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Dương Chí T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà V về việc vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cũng như thời gian cưới nhau và thời gian ly thân. Hiện tại, vợ chồng không còn sống chung. Tuy nhiên, ông T không muốn ly hôn mà muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm với nhau.

Về con chung: Bà V và ông T có 01 người con chung tên là Dương Chí T, sinh ngày 14/3/2006. Bà V đồng ý để ông T nuôi con và bà V không cấp dưỡng nuôi con thì ông T đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện theo các quy định về quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị:

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị V được ly hôn với ông Dương Chí T.

Về con chung: Đề nghị giao con chung tên là Dương Chí T, sinh ngày 14/3/2006 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, bà Phạm Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Dương Chí T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Bà Phạm Thị V có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông Dương Chí T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà V và ông T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phạm Thị V thấy rằng: Bà Phạm Thị V và ông Dương Chí T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà V và ông T xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay. Hiện tại, bà V xác định không còn tình cảm với ông T, nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T. Ông T cho rằng còn thương vợ muốn hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, ông T không đưa ra được giải pháp đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, bà V và ông T mâu thuẫn đã lâu. Trong khoảng thời gian này, ông bà không thể đoàn tụ được, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải để ông bà có giải pháp đoàn tụ, nhưng bà V vẫn cương quyết ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà V là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà V và ông T có 01 người con chung tên là Dương Chí T, sinh ngày 14/3/2006. Bà V đồng ý để ông T nuôi con và bà V không cấp dưỡng nuôi con thì ông T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung do ông T trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Quá trình ông T nuôi dưỡng con chung là đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của cháu. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án quyết định giao ông T tiếp tục nuôi dưỡng cháu T là phù hợp và quyết định này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu là muốn sống chung với ông T khi cha mẹ đã ly hôn. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, xét thấy ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà V và ông T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V đối với ông Dương Chí T.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị V được ly hôn với ông Dương Chí T.

2. Về con chung: Ông Dương Chí T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Dương Chí T, sinh ngày 14/3/2006. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con, nên bà V không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008649, ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Phạm Thị V đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND Phường 11, quận Gò Vấp, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thanh Lâm

